TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/DS - ST
Ngày: 03/03/2020
V/v: Tranh chấp tiền phường

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Thanh Miện
Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc -Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên

Vào ngày 03 tháng 03 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2019/TLST- DS ngày 17 tháng 9 năm 2020 về tranh chấp tiền phường. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2019/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan – sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Thanh Lâm, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Thanh Lâm, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bà Hương đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa. Bà Hương đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Tưởng - sinh năm 1990(có mặt)
2. Ông Nguyễn Văn Triệu - sinh năm 1970(vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: thôn Thanh Lâm, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Ông Triệu có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Phía nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lan trình bày: vợ chồng chị và vợ chồng bà Hương là hàng xóm của nhau, ngày 12 tháng 3 năm 2017 vợ chồng bà Hương có rủ vợ chồng chị chơi phường họ cùng với bà Hương trong đó bà Hương là

chủ phường còn chị là người chơi . Khi chơi giữa vợ chồng chị đã thỏa thuận với bà Hương hàng tháng vợ chồng chị sẽ nộp cho bà Hương 4.000.000đ vào ngày 12 hàng tháng, thời gian đóng là 18 tháng và mỗi tháng được lãi 1.000.000đ. tháng đầu người chơi không được tính lãi phường. Chị Lan và anh Tưởng đã đóng được 18 tháng tiền phường tương đương là 72.000.000đ và tiền lãi phường được hưởng là 17 tháng x1.000.000đ = 17.000.000đ, cho đến hết ngày 12 tháng 7 năm 2018 thì cả gốc và lãi vợ chồng chị được bà Hương trả là 89.000.000đ. Số tiền chị nộp hàng tháng chị đều có sổ để ghi chép lại và bà Hương là người ký nhận vào sổ của chị. Mặc dù bà Hương đã chốt sổ phường với vợ chồng chị nhưng bà Hương không trả tiền cho vợ chồng chị vì bà Hương có nói với chị tiền của bà cũng cho nơi khác vay nhưng không thu hồi được nên không có tiền để trả cho chị. Tuy nhiên, sau đó bà Hương cũng đã trả cho chồng chị là anh Nguyễn Văn Tưởng được 10.000.000đ ngoài ra bà Hương không trả cho vợ chồng chị bất cứ khoản tiền nào khác. Khi làm đơn khởi kiện chị đề nghị ông Triệu và bà Hương phải có trách nhiệm trả cho chị . Đến nay, chị xác định việc thỏa thuận , đóng góp tiền phường và lãi suất đều do vợ chồng chị và bà Hương trực tiếp giao dịch với nhau. Hơn nữa trong sổ đóng tiền hàng tháng thì người trực tiếp nhận và ký vào sổ sách của chị đều là bà Hương. Vì vậy, tại phiên tòa sơ thẩm chị đề nghị Tòa án buộc bà Hương phải trả tiền cho vợ chồng chị số tiền là: 79.000.000đ mà không yêu cầu ông Triệu phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng chị.

Phía bị đơn là bà Nguyễn Thị Hương trình bày như sau: Bà xác nhận bà và vợ chồng chị Lan và anh Tưởng là hàng xóm của nhau. Do bà là chủ phường nên bà có rủ vợ chồng chị Lan và anh Tưởng chơi phường. Hai bên cùng thống nhất như lời trình bày của chị Lan về số tiền đóng, số tiền lãi hàng tháng và tổng gốc và lãi bà phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lan và anh Tưởng là 89.000.000đ như lời trình bày của chị Lan là đúng . Khi đến hạn phải trả phường cho chị Lan và anh Tưởng thì bà đã không có tiền trả nhưng sau đó bà cũng đã trả cho anh Tưởng 10.000.000đ. Nay chị Lan khởi kiện bà , bà hoàn toàn nhất trí với số tiền mà chị Lan và anh Tưởng yêu cầu . Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Th ị Hương có khai chị Lan có mua của bà một số mặt hàng như máy sấy tóc , tất và củ lọc nước và bà yêu cầu chị Lan và anh Tưởng phải có trách nhiệm trả tiền cho bà. Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà đã có thông báo nộp tiề n tạm ứng đối với yêu cầu phản tố của bà Hương . Đến thời hạn nộp tiền bà Hương đã không nộp , tại biên bản ghi lời khai với Tòa án bà Hương có khai không nộp tiền và không yêu cầu phản tố để đối trừ nghĩa vụ với chị Lan và anh Tưởng trong vụ án này . Nếu cần thiết bà sẽ khởi kiện yêu cầu chị Lan và anh Tưởng trong vụ án khác.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Anh Nguyễn Văn Tưởng trình bày : anh nhất trí với lời trình b ày của vợ anh là chị Nguyễn Thị Lan và anh đề nghị bà Hương phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh số tiền còn lại là: 79.000.000đ.

Ông Nguyễn Văn Triệu trình bày: việc bà Hương và vợ chồng anh Tưởng chơi phường như thế nào ông không biết. Hiện nay, vợ chồng chị Lan khởi kiện yêu cầu bà Hương phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng chị Lan anh Tưởng ông không có ý kiến gì và không liên quan gì đến việc làm ăn của bà Hương.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật , bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện chưa tốt quy định của pháp luật. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng:

Điều 274; 280; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS.

Điều 19; Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án Xử:

Buộc bà Nguyễn Thị Hương phả i có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Lan và anh Nguyễn Văn Tưởng số tiền phường là : 79.000.000đ(Bẩy mươi chín triệu đồng); bà Hương phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án;

Về án phí: bà Nguyễn Thị Hương phải chịu 3.950.000đ án phí DSST

Chị Nguyễn Thị Lan không phải chịu án phí DSST , hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Lan số tiền 2.250 000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0000032 ngày12/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Các đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm . Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Chị Lan có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án Tranh chấp tiền phường với bà Nguyễn Thị Hương là đúng theo quy định tại khoản khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Bà Hương và ông Triệu vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đã có đơn xin xét xử vắng mặt . Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử theo thủ tục chung.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa , Hội đồng xét xử nhận định: Việc chị Lan khởi kiện bà Nguyễn Thị Hương phải có trách nhiệm thanh toán cho chị số tiền phường 79.000.000đ là có căn cứ . Việc này đã được bà Hương thừa nhận và nhất trí trả cho chị Lan đây là căn cứ để xác định nghĩa vụ

trả tiền của bà Hương . Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị L an và anh Nguyễn Văn Tưởng đều xác nhận việc hàng tháng đóng tiền phường cho bà Hương bằng sổ đóng tiền hàng tháng có chữ ký của bà Hương nên anh chị cùng thống nhất buộc bà Hương phải có trách nhiệm trả tiền cho anh chị mà không yêu cầu ông Nguyễn Văn Triệu phải có trách nhiệm là có căn cứ . Hơn nữa, số tiền đóng phường hàng tháng là tiền chung của chị Lan và anh Tưởng nên cần buộc bà Hương phải có trách nhiệm trả tiền cho chị Lan và anh Tưởng. Bà Hương và ông Triệu vắng mặt tại phiên toà nhưng trong các biên bản ghi lời khai bà Hương đều thừa nhận số tiền phải trả cho chị Lan và anh Tưởng như chị Lan và anh Tưởng yêu cầu là đúng nên cần buộc bà Hương phải có trách nhiệm trả nợ cho chị Lan và anh Tưởng số tiền 79.000.000đ(Bẩy mươi chín triệu đồng) là có căn cứ.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hương phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật . Trả lại cho chị Nguyễn Thị Lan tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 274; 280; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTHS.

Điều 19;Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lan về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hương phải có trách nhiệm trả tiền phường, họ cho chị.

Buộc bà Nguyễn Thị Hương phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Lan và anh Nguyễn Văn Tưởng số tiền phường là : 79.000.000đ(Bẩy mươi chín triệu đồng);

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiề n, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

- **Án phí**: Bà Nguyễn Thị Hương phải chịu 3.950.000đ án phí DSST

Chị Nguyễn Thị Lan không phải chịu án phí DSST , hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Lan số tiền 2.250 000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0000032 ngày 12/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hòa
- Chi cục THA DS Hiệp Hòa
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Hương Lan

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thế Hanh **Lê Thanh Miện** **Hoàng Thị Hương Lan**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số: /2018/DSST
Ngày: 20/9/2016
V/v: Tranh chấp HĐ vay TS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG
VỚI THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM GỒM CÓ:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Chu Mạnh Hà**
Các hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Lê Thanh Miện** - CB hưu
2. **Ông Nguyễn Văn Nghĩa** - CB hưu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ngọc** - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa
Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: **Bà Ngô Đức Nghiêm** - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2016/TLST - DS ngày 30 tháng 3 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2016/QĐST ngày 24/6/2016 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ***Anh Đồng Văn Lực*** **- sinh năm 1977**

Chị Nguyễn Thị Ngân **– sinh năm 1977**

Cùng địa chỉ: thôn Châu Lỗ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Anh Nguyễn Viết Lập – sinh năm 1972
Địa chỉ:cụm 2, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** ***Bà Ngô Thị Bích Hồng*** - sinh năm 1969

Ông Nguyễn Đức Lực – sinh năm 1967

Cùng Địa chỉ: Thôn Châu Lỗ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

.

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2016 và bản tự khai ngày 31/3/2016, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngân đại di ện trình bày: Ngày 23/5/2014 (tức 25/4/2014 âm lịch) vợ chồng chị có cho vợ chồng anh Lực, chị Hồng vay số tiền 30.000.000đ; ngày 6/9/2014(tực 13/8/2014 âm lịch) vợ chồng chị lại cho anh Lực, chị Hồng vay số tiền 150.000.000đ; Ngày 24/11/2014 (tức 10/3/2014 âm lịch) Vợ chồng chị cho vợ chồng chị Hồng, anh Lực vay tiếp số tiền 40.000.000đ; Ngày 10/01/2015 (tức 20/11/2014 âm lịch) vợ chồng chị lại tiếp

tục cho vợ chồng anh Lực, chị Hồng vay số tiền 100.000.000đ. Tổng 4 lần vay là 320.000.000đ, tất cả các lần vay chị Hồng, anh Lực đều viết giấy vay và ký nhận. Tuy nhiên trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất cũng không có thời hạn trả nợ. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng là trả lãi suất 1/%/1 tháng và hẹn khi nào anh, chị cần đến tiền thì sẽ báo trước cho chị Hồng anh Lực 1 tháng. Ngày 6/10/2014 tức 13/9/2014 âm lịch) anh Lực, chị Hồng đã trả được vợ chồng chị số tiền nợ là 40.000.000đ, cho đến nay anh Lực, chị Hồng vẫn nợ vợ chồng chị 280.000.000đ . Tháng 9/2015 anh chị đã thông báo cho anh Lực, chị Hồng để lấy tiền nhưng cho đến nay mặc du đã đòi nhiều lần nhưng anh Lực, chị Hồng vẫn chưa trả cho vợ chồng chị . Nay chị khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa buộc anh Nguyễn Đức Lực và chị Ngô Thị Bích Hồng phải trả cho anh chị số tiền gốc là 280.000.000đ và số tiền lãi là 14.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 02/5/2016 bị đơn là chị Ngô Thị Bích Hồng trình bày: Chị có vay của chị Nguyễn Thị Ngân số tiền là 320.000đ cụ thể là: Ngày 25/4/2014 (âm lịch) vay 30.000.000đ; Ngày 13/8/2014 (âm lịch) vay 150.000.000đ; Ngày 13/10/2014 (âm lịch) vay 40.000.000đ; ngày 20/11/2014 (âm lịch) vay 100.000.000đ. Ngày 6/10/2016 chị đã trả được chị Ngân số tiền gốc là 40.000.000đ. Hiện nay chị xác định còn nợ chị Ngân số tiền gốc là 280.000.000d tiền gốc. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2000đ/1 ngày/1 triệu. Chị đã trả cho chị Ngân lãi đến tháng 9 năm 2015, tổng số lãi chị đã trả là 214.000.000đ.Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xem xét lại số tiền lãi chị phải đóng theo quy định của nhà nước đối với số tiền vay của chị Ngân. Nếu số tiền lãi chị đã đưa cho chị Ngân còn dư, chị đề nghị khấu trừ vào tiền gốc mà chị phải trả cho chị Ngân.

Tại phiên tòa hôm nay, Chị Ngân vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Lực, chị Hồng phải trả vợ chồng chị số tiền nợ gốc là 280.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật. Chị Hồng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xem xét lại số tiền lãi mà chị đã đóng. Nếu thừa, đề nghị Tòa án chuyển sang trả tiền gốc cho chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, ngưi tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp luật. Về đường lối giải quyết.....

XÉT THẤY

Mặc dù anh Thắng và anh Lực vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đã có giấy ủy quyền cho chị Ngân và chị Hồng nên cần áp dụng khoản 2 điều 227 và điều 228 – Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận

định: Căn cứ lời khai và các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và sự thừa nhận từ phía bị đơn, có đủ căn cứ xác định: : Ngày 23/5/2014 (tức 25/4/2014 âm lịch) vợ chồng chị Ngân, anh Thắng có cho vợ chồng anh Lực, chị Hồng vay số tiền 30.000.000đ; ngày 6/9/2014(tực 13/8/2014 âm lịch) vợ chồng chị Ngân, anh Thắng cho anh Lực, chị Hồng vay số tiền 150.000.000đ; Ngày 24/11/2014 (tức 10/3/2014 âm lịch) Vợ chồng chị Ngân, anh Thắng cho vợ chồng chị Hồng, anh Lực vay tiếp số tiền 40.000.000đ; Ngày 10/01/2015 (tức 20/11/2014 âm lịch) vợ chồng chị Ngân, anh Thắng lại tiếp tục cho vợ chồng anh Lực, chị Hồng vay số tiền 100.000.000đ. Tổng 4 lần vay là 320.000.000đ, tất cả các lần vay chị Hồng, anh Lực đều viết giấy vay và ký nhận. Tuy nhiên trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất cũng không có thời hạn trả nợ. Ngày 6/10/2014 tức 13/9/2014 âm lịch) anh Lực, chị Hồng đã trả được vợ chồng chị Ngân , anh Thắng số tiền nợ là 40.000.000đ. cho đến nay anh Lực, chị Hồng vẫn nợ vợ chồng chị Ngân, anh Thắng tổng số tiền là 280.000.000đ tiền gốc .

Tuy nhiên thời gian sau đó, mặc dù chị Ngân đã xuống gia đình chị Hồng đòi nhiều lần nhưng vợ chồng chị Hồng không trả . Việc vợ chồng chị Hồng không thanh toán trả nợ cho vợ chồng chị Ngân số tiền gốc đã vay khi vợ chồng chị Ngân đòi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ , đây chính là căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự của vợ chồng chị Hồng đối với vợ chồng chị Ngân . Vì vậy, việc vợ chồng chị Ngân khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Hồng phải trả số tiền 280.000.000đ tiền gốc là có căn cứ , cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 280, 281, 471 và 474 - Bộ luật dân sự.

Về lãi xuất, căn cứ vào hợp đồng vay tiền giữa đôi bên và việc thanh toán trả tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy đây là trường hợp vay có thỏa thuận về lãi suất nhưng không thể hiện rõ lãi suất. Vì vậy, nay cần áp dụng khoản 2 điều 476 - Bộ luật dân sự để buộc vợ chồng chị Hồng phải chịu lãi suất đối với khoản tiền gốc kể trên theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định . Mặc dù chị Ngân cho rằng vợ chồng chị Hồng đã trả lãi đến tháng 9/2015 và yêu cầu tính vợ chồng chị Hồng trả tiếp lãi từ tháng 9/2015 đến nay. Tuy nhiên, chị Hồng cho rằng mình đã đóng số tiền lãi quá cao, vì vậy, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa tính lại.

Theo công bố của Ngân hàng nhà nước thì mức lãi suất cơ bản được áp dụng hiện nay là 9%/năm (tương đương 0.75%/tháng). Như vậy, số tiền lãi suất mà vợ chồng chị Hồng phải trả cho vợ chồng chị Ngân là:

- Số tiền vay 30.000.000đ ngày 23/5/2014 dương lịch:
  (30.000.000 x 2 năm x 9%) + (30.000.000 x 3 tháng x0,75%) + (30.000.000 * 27 ngày x 0.75% / 30 ngày) = 6.135.750đ
  - Số tiền 150.000.000đ ngày 6/9/2014 dương lịch
  (150.000.000 x 1tháng x 0,75%) +(110.000.000 x 1 năm x 9%) + (110.000.000 x 11 tháng x0,75%) + (110.000.000 x 14 ngày x 0.75% / 30 ngày) = 20.485.000đ
  - số tiền vay ngày 24/11/2014 dương lịch

(40.000.000 x 1 năm x 9%) + (40.000.000 x 8 tháng x0,75%) + (40.000.000 * 26 ngày x 0.75% / 30 ngày) = 6.250.000đ
- số tiền vay ngày 10/01/2015 dương lịch
(100.000.000 x 1 năm x 9%) + (100.000.000 x 7 tháng x0,75%) + (100.000.000 x 10 ngày x 0.75% / 30 ngày) = 14.500.000đ

Tổng tiền lãi là : 47.370.750đ

Về án phí: chị Hồng, anh Lực phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho chị Ngân tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 25, Điều 131, khoản 2 điều 199, Điều 202 - Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 280, 281, 298, 471, 474 và 476 - Bộ luật dân sự, xử:

Buộc anh Nguyễn Đình Tuân và vợ là chị Chu Thị Hảo phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho vợ chồng chị Hà Thị Trình số tiền gốc là 385.000.000đ (ba trăm tám muoi lăm triệu đồng) và tiền lãi xuất là 131.200.000đ tổng cộng cả gốc và lãi suất 516.200.000 đ (năm trăm mười sáu triệu. Hai trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bên được thi hành án làm đơn đề nghị thi hành, bên phải thi hành án dân sự phải chịu lãi suất theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định về khoản tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí: Anh Nguyễn Đình Tuân và vợ là chị Chu Thị Hảo phải liên đới chịu 25.810.000 (Hai mươi lăm triệu tám trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại cho chị Hà Thị Trình số tiền 9.625.000đ (Chín triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 03060 ngày 07/8/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
SƠ THẨM
- *TAND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND huyện Hiệp Hòa*
- *Chi cục THA DS Hiệp Hòa*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà